

Số: 397/TB-ĐHĐN

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 01 năm 2018

**THÔNG BÁO**  
**Xét tuyển nghiên cứu sinh đợt 1 năm 2018 - khóa 37**

Đại học Đà Nẵng thông báo xét tuyển nghiên cứu sinh (NCS) khóa 37 cho 22 ngành tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên (sau đây gọi là cơ sở đào tạo) với các thông tin như sau:

**1. Ngành tuyển sinh**

STT	Mã số	Cơ sở đào tạo/Ngành	Chỉ tiêu
	<b>DDK</b>	<b>Trường Đại học Bách khoa</b>	<b>11</b>
1	9420201	Công nghệ sinh học	
2	9480101	Khoa học máy tính	
3	9520101	Cơ kỹ thuật	
4	9520103	Kỹ thuật cơ khí	
5	9520115	Kỹ thuật nhiệt	
6	9520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	
7	9520201	Kỹ thuật điện	
8	9520203	Kỹ thuật điện tử	
9	9520208	Kỹ thuật viễn thông	
10	9520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
11	9540101	Công nghệ thực phẩm	
12	9580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
13	9580212	Kỹ thuật tài nguyên nước	
	<b>DDQ</b>	<b>Trường Đại học Kinh tế</b>	<b>34</b>
14	9310105	Kinh tế phát triển	08
15	9340101	Quản trị kinh doanh	10
16	9340201	Tài chính – Ngân hàng	08
17	9340301	Kế toán	08
	<b>DDS</b>	<b>Trường Đại học Sư phạm</b>	<b>20</b>
18	9220121	Văn học Việt Nam	05
19	9229020	Ngôn ngữ học	05
20	9440114	Hoá hữu cơ	05
21	9480104	Hệ thống thông tin	05
	<b>DDF</b>	<b>Trường Đại học Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>
22	9220201	Ngôn ngữ Anh	10

**2. Hình thức tuyển sinh:** Xét tuyển.

**3. Hình thức và thời gian đào tạo**

- *Hệ tập trung liên tục:* 3 năm tập trung liên tục đối với NCS có bằng thạc sĩ, 4 năm tập trung liên tục đối với NCS có bằng đại học.

- *Hệ không tập trung liên tục:* Trường hợp NCS có bằng thạc sĩ không theo học tập trung liên tục được và được cơ sở đào tạo chấp nhận thì NCS phải đăng ký thực hiện và đảm bảo tổng

thời gian học tập trong vòng 4 năm (thời gian này không bao gồm thời gian học bổ sung các học phần cao học nếu NCS thuộc đối tượng phải học bổ sung), trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu.

#### **4. Điều kiện xét tuyển**

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

4.1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ.

4.2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện (có chỉ số ISSN) trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

4.3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển (tham khảo **Phụ lục**);

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh);

đ) Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ ngành ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh;

4.4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.

4.5. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng ngành dự tuyển do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định tại Đề án tuyển sinh của đơn vị mình.

#### **5. Hồ sơ dự tuyển**

5. 1. Dành cho người dự tuyển là công dân Việt Nam

a) Đơn xin dự tuyển có dán ảnh thẻ 4x6 cm (Mẫu NCS-1);

b) 07 bộ Lý lịch khoa học có dán ảnh thẻ 4x6 cm, có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương (Mẫu NCS-2);

c) 07 bộ Bản sao văn bằng, chứng chỉ, bằng điểm đại học và thạc sĩ có chứng thực và kèm theo bản chính để đối chiếu;

d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: 07 bộ bản sao bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện (có chỉ số ISN) trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

đ) 07 bộ Đề cương nghiên cứu (Mẫu NCS-3);

e) 07 bộ (01 bản gốc có chữ ký của người giới thiệu và 06 bản sao) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 02

nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (Mẫu NCS-4);

g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức) và xác nhận kinh nghiệm quản lý, thâm niên công tác (nếu có) của cơ quan quản lý trực tiếp;

h) 02 phong bì dán tem và ghi đầy đủ và chính xác địa chỉ liên hệ của thí sinh.

5.2. Dành cho người dự tuyển là công dân Nước ngoài

- Các loại giấy tờ tại điểm d của mục 5.1.

- Đơn đăng ký dự tuyển /Application form for international applicants to study in Vietnam và Danh mục hồ sơ/Document Checklist dành cho người nước ngoài học tập tại Việt Nam (Mẫu NCS-5).

#### **Ghi chú:**

- Các văn bằng, bằng điểm do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải làm thủ tục công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT Việt Nam, được dịch ra tiếng Việt và có chứng thực.

- Các Mẫu NCS – i, bảng tham chiếu quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thí sinh tải về từ Website: <http://www.udn.vn/bandaotao> hoặc [ts.udn.vn](http://ts.udn.vn).

- Danh mục các chuyên ngành đúng, gần và phù hợp, Danh mục các lĩnh vực, các hướng nghiên cứu thực hiện đề tài luận án tiến sĩ và giáo viên hướng dẫn tham khảo trong Đề án tuyển sinh trình độ Tiến sĩ của các cơ sở giáo dục đại học thành viên và tham khảo trên website của Đại học Đà Nẵng <http://www.udn.vn/bandaotao> hoặc [ts.udn.vn](http://ts.udn.vn), và các cơ sở đào tạo.

#### **6. Thời gian**

- Nhận hồ sơ: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày **27/4/2018**.

- Xét tuyển: dự kiến ngày **19/5/2018**.

#### **7. Lệ phí**

Lệ phí xét tuyển: **2.000.000 đồng/thí sinh/hồ sơ**.

Thí sinh nộp lệ phí trực tiếp tại Ban Kế hoạch - Tài chính Đại học Đà Nẵng, Phòng 107, Khu A, Đại học Đà Nẵng, số 41 Lê Duẩn, thành phố Đà Nẵng.

#### **8. Địa chỉ liên hệ**

Địa điểm liên hệ và tiếp nhận hồ sơ: Ban Đào tạo Đại học Đà Nẵng - Phòng 902, Khu B, 41 Lê Duẩn, Đà Nẵng; Điện thoại: **0236.3832552**;

Email: [bandaotao@ac.udn.vn](mailto:bandaotao@ac.udn.vn); Website: <http://www.ts.udn.vn>.

#### ***Nơi nhận:***

- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các cơ sở đào tạo SĐH, Viện nghiên cứu;
- Các Sở GD&ĐT;
- Các CSGDĐHTV thuộc ĐHDN;
- Lưu VT, ĐT.

**GIÁM ĐỐC**

## Phụ lục

### **BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI** (Ban hành kèm theo Thông báo số 397/TB-ĐHĐN ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

<b>Stt</b>	<b>Chứng chỉ</b>	<b>Trình độ</b>
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2